TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-12-2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Quốc và ông Nguyễn Thành Phước.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1962 (có mặt); Địa chỉ: 1 KDC H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1949 (vắng mặt); Địa chỉ: Khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Đinh Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn M do tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ tháng 02 năm 1987, không tổ chức đám cưới và không đăng ký hết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Đinh Phú C, sinh ngày 27/10/1988. Tuy nhiên sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn M có quan hệ tình cảm với người khác, đã bỏ gia đình đi nơi khác đến nay không quay về, vợ chồng đã ly thân từ năm 1991. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Bà Đinh Thị N yêu cầu được ly hôn ông Nguyễn Văn M;

Về con chung: Có một con chung tên Đinh Phú C, sinh ngày 27/10/1988 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là ông Nguyễn Văn M để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn M vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nguyễn Văn M cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho ông Nguyễn Văn M biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông Nguyễn Văn M cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đinh Thị N trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M; về con chung: có một con chung tên Đinh Phú C, sinh ngày 27/10/1988 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, bà Đinh Thị N có mặt, ông Nguyễn Văn M vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N.

Về hôn nhân: Do bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Ghi nhận bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M có 01 con chung tên Đinh Phú C, sinh ngày 27/10/1988 đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau từ tháng 02 năm 1987, không tổ chức đám cưới và không đăng ký hết hôn. Ông Nguyễn Văn M có địa chỉ thường trú tại: Khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Đinh Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn M nên xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn"*.

[2] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà Đinh Thị N có mặt, ông Nguyễn Văn M vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Xét việc tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì: *"...Điều 9. Đăng ký kết hôn*

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý..."

Và điểm b Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, thì: *"...b) N1 và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng..."

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì: *"...Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*

1. N1, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...

... Điều 53. Thụ lý đơn yêu cầu ly hôn...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."

Theo Công văn số 86/UBND-HT ngày 31/5/2023 của Ủy ban nhân dân xã V về việc trả lời yêu cầu trích lục kết hôn bà Đinh Thị N thì: *"Qua tra cứu sổ bộ lưu kết hôn tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang không tìm thấy tên của bà Đinh Thị N sinh ngày 30/7/1962"*; Biên bản xác minh ngày 19/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thì Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang xác nhận: *"Qua tra cứu sổ bộ lưu kết hôn tại thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang không tìm thấy tên của ông Nguyễn Văn M sinh năm 1949"*.

Đồng thời theo lời khai của bà Đinh Thị N thì bà và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02 năm 1987 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì việc kết hôn không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà Đinh Thị N có yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở giải quyết ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3.2] Về con chung: Ghi nhận bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M có 01 con chung tên Đinh Phú C, sinh ngày 27/10/1988 đã trưởng thành nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Đinh Thị N không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Đinh Thị N không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Như các phân tích nêu trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Ghi nhận bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M có 01 con chung tên Đinh Phú C, sinh ngày 27/10/1988 đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận bà Đinh Thị N xác định không có nợ chung. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống chung thì bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn M phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Đinh Thị N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Trí Nguyên